

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 9 - 2025
V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Võ Đức H, sinh ngày 06/02/1978.

Số CCCD: 044078002760.

Nơi ĐKKHKT: TDP N, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường C, tỉnh Ninh Bình); nơi cư trú: Thôn B, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị).

2/ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 11/03/1985.

Số CCCD: 035185003149.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố N, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố N, phường C, tỉnh Ninh Bình); chỗ ở: Số nhà 3 ngõ 230, đường L, tổ dân phố T, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường C, tỉnh Ninh Bình).

(Phiên tòa vắng mặt anh Võ Đức H có lý do; vắng mặt chị Nguyễn Thị Thùy L không có lý do).

NHẬN THẤY

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Đức H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thùy L kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là xã T, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 06 tháng 7 năm 2007. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau

khoảng 01 năm, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau; bên cạnh đó chị L còn có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh có khuyên bảo nhiều lần nhưng chị L không nghe, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, nặng nề. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy L.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Võ Đức A, sinh ngày 01/05/2008 (con trai) và cháu Võ Phương N, sinh ngày 11/02/2011 (con gái), hiện tại cả hai cháu đều đang ở cùng chị L. Khi ly hôn anh đề nghị giao cả 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Con nuôi, con riêng: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy L: Quá trình giải quyết vụ án chị L luôn vắng mặt, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên không có quan điểm trình bày. Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú xác định chị Nguyễn Thị Thùy L có hộ khẩu thường trú tại phường C và đang sinh sống tại số nhà 3, ngõ 230, đường L, tổ dân phố T, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường C, tỉnh Ninh Bình). Tòa án đã nhiều lần đến nhà chị L để làm việc và giao các văn bản tố tụng cho chị L, tuy nhiên chị L không có nhà, đồng chí Cảnh sát khu vực đã gọi điện thoại cho chị L nhưng chị L từ chối làm việc với Tòa án.

* Quan điểm của cháu Võ Đức A: Con là con đẻ của bố Võ Đức H và mẹ Nguyễn Thị Thùy L. Năm nay con học lớp 12A8 trường PTTH A P, hiện con đang sống cùng mẹ L. Trường hợp bố mẹ con ly hôn thì nguyện vọng của con xin được ở với mẹ.

* Quan điểm của cháu Võ Phương N: Con là con đẻ của bố Võ Đức H và mẹ Nguyễn Thị Thùy L. Năm nay con học lớp 9B trường PTCS C, hiện con đang sống cùng mẹ L. Trường hợp bố mẹ con ly hôn thì nguyện vọng của con xin được ở với mẹ.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Võ Đức H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Đức Hường. Xử lý hôn giữa anh Võ Đức H và chị Nguyễn Thị Thùy L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Võ Đức A, sinh ngày 01/05/2008 và cháu Võ Phương N, sinh ngày 11/02/2011; Chấp nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 5.000.000 đồng/ 01 con chung/ 01 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Võ Đức H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy L cư trú tại tổ dân phố T, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường C, tỉnh Ninh Bình). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” giữa anh Võ Đức H và chị Nguyễn Thị Thùy L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về xét xử vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Võ Đức H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Võ Đức H và chị Nguyễn Thị Thùy L trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2007 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là xã T, tỉnh Ninh Bình), đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Đức H, HĐXX thấy rằng:

Sau kết hôn anh H và chị L chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh H trình bày là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau; ngoài ra chị L còn có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh H khuyên bảo nhưng chị L không nghe dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng anh chị ngày càng căng thẳng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử

ly hôn giữa anh Võ Đức H và chị Nguyễn Thị Thùy L là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Võ Đức A, sinh ngày 01/05/2008 (con trai) và cháu Võ Phương N, sinh ngày 11/02/2011 (con gái), hiện tại cả hai cháu đều đang ở cùng chị L. Khi ly hôn anh H đề nghị giao cả 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/01 cháu/01tháng. Xét việc nuôi con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, hiện tại các cháu đều đang do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống rất ổn định; nguyện vọng của cả hai cháu đều mong muốn được ở với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống cũng như việc học tập của các cháu, cần giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là cháu Võ Đức A và Võ Phương N, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con nuôi, con riêng: Không có, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Võ Đức H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa anh Võ Đức H và chị Nguyễn Thị Thùy L.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Võ Đức A, sinh ngày 01/05/2008 (con trai) và cháu Võ Phương N, sinh ngày 11/02/2011 (con gái). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Võ Đức H cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Đức A và Phương N, mỗi cháu 5.000.000đ (năm triệu đồng)/ 01 tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí: Anh Võ Đức H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002172 ngày 11/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình). Anh H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, anh Võ Đức H và chị Nguyễn Thị Thùy L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình (ĐKKH ngày 06/7/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân